

HOSE 18/12/2013

VNINDEX 505.25 -0.42 -0.08%

KLGD 62,331,098 CP
GTGD 915.56 Tỷ
GTR NDTNN 16.77 Tỷ

CP Tăng giá 94 CP
CP Giảm giá 113 CP
CP Đứng giá 97 CP



HNX 18/12/2013

HNXINDEX 66.95 0.08 0.12%

KLGD 32,823,072 CP
GTGD 291.36 Tỷ
GTR NDTNN 4.54 Tỷ

CP Tăng giá 76 CP
CP Giảm giá 78 CP
CP Đứng giá 225 CP



VN30 & HNX30 INDEX

VN30 566.27 0.33 0.06%
HNX30 127.16 0.41 0.32%

Tâm điểm

- ▶ **Đóng cửa trái chiều, lực cầu đang yếu dần đi**
- ▶ **Thanh khoản tiếp tục sụt giảm trên 2 sàn**
Tổng giá trị giao dịch trên cả 2 sàn đạt khoảng 1.200 tỷ đồng.
- ▶ **Lợi nhuận của toàn hệ thống tài chính tín dụng tăng 3.2%**
Song mức lợi nhuận này chỉ bằng 53%-64% so với năm 2010, 2011
Vnexpress
- ▶ **CPI năm 2013 có mức tăng thấp nhất trong 10 năm qua**
Tăng khoảng 6% so với năm 2012
TTXVN
- ▶ **Nhập siêu năm 2013 khoảng 500 triệu USD**
Mức nhập siêu này bằng 0,38% kim ngạch xuất khẩu
- ▶ **TMC - 11 tháng, lãi gần 18 tỷ đồng**
Công ty đã hoàn thành được 89.55% kế hoạch lợi nhuận cả năm
Người Đồng Hành
- ▶ **TNC - Điều chỉnh giảm kế hoạch doanh thu nhưng lại tăng kế hoạch LNTT**
Chúng tôi khuyến nghị năm giữ TNC
Nguyetva

Thị trường / Ngành

Theo thị trường

	Vốn hóa (tỷ)	EPS	P/E	P/B	D/E
HOSE	845,461	2,354	12.2	2.9	2.87
HNX	105,650	726	16.7	1.6	4.34
Toàn bộ thị trường	951,111	1,854	13.1	2.8	3.07

Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	7,892	4,300	6.3	1.0	0.51
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	21,052	5,436	6.5	1.6	0.39
Thép và sản phẩm thép	27,341	1,427	13.8	1.5	1.84
Khai khoáng	12,024	748	39.5	4.9	0.33
Vật liệu xây dựng & Nội thất	14,944	1,002	11.7	1.3	1.69
Xây dựng	23,608	395	22.9	0.8	3.20
Máy công nghiệp	8,199	2,915	8.3	1.5	0.66
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,502	3,097	10.7	1.4	0.43
Lốp xe	6,002	4,405	7.5	2.3	1.28
Nuôi trồng nông & hải sản	12,390	1,641	10.7	1.2	1.97
Thực phẩm	199,308	3,859	21.9	5.5	0.76
Dược phẩm	13,852	5,962	10.9	3.1	0.80
Phần mềm	13,241	5,015	8.2	1.9	1.11
Sản xuất & phân phối điện	21,054	2,218	6.5	1.2	1.18
Phân phối xăng dầu & khí đốt	127,726	6,178	9.5	3.6	0.45
Bảo hiểm nhân thọ	26,538	1,618	24.1	2.2	3.18
Môi giới chứng khoán	17,159	696	14.4	1.0	0.58
Ngân hàng	197,103	1,666	10.2	1.2	9.66
Bất động sản	126,857	1,345	16.7	2.7	1.94
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	26,457	3,970	8.4	1.5	1.46

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Vui lòng tham khảo điều khoản sử dụng ở trang cuối

VietinBankSc © 2013

VietinBankSc

306 Ba Triệu

Hai Bà Trưng

Hanoi

Vietnam

Tel: (844) 3974 7952

Fax: (844) 3974 1760

www.vietinbanksc.com.vn

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

► Tin kinh tế

Lợi nhuận của toàn hệ thống tài chính tín dụng tăng 3.2%

Ông Nguyễn Hữu Nghĩa – Chánh Thanh tra Giám sát NHNN cho biết, lợi nhuận của toàn hệ thống các tổ chức tín dụng lũy kế 11T.2013 đạt 29,500 tỷ đồng, tăng 3.2% so với năm ngoái. Nếu so sánh với 2010, 2011, mức lãi này chỉ bằng 53%-64%. Hệ số phản ánh hiệu quả kinh doanh ROA, ROE cũng chưa được cải thiện, đều giảm so với năm ngoái, chỉ đạt lần lượt 0.53% và 5.6%.

CPI năm 2013 có mức tăng thấp nhất trong 10 năm qua

Theo ông Nguyễn Bích Lâm- Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê Việt Nam chỉ số giá tiêu dùng (CPI) năm 2013 tăng khoảng 6 % so với năm 2012 và là mức tăng thấp nhất trong khoảng 10 năm gần đây. Như vậy, mục tiêu kiểm soát lạm phát của Quốc hội năm nay sẽ đạt được. Có được kết quả này là nhờ những chính sách điều hành kịp thời của Chính phủ. Đặc biệt, trong năm, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam điều hành chính sách tiền tệ, tỷ giá, thị trường vàng linh hoạt và hiệu quả cũng đóng góp vào mục tiêu kiềm chế lạm phát.

Nhập siêu năm 2013 khoảng 500 triệu USD

Cụ thể, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá cả năm 2013 ước đạt khoảng 132 tỷ USD, tăng 15.3% so với năm 2012, vượt chỉ tiêu so với kế hoạch của Quốc hội đề ra (là 126.1 tỷ USD, tăng 10%). Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá cả năm ước đạt khoảng 132.5 tỷ USD, tăng 16.5% so với năm 2012. Nhập siêu cả năm 2013 ước khoảng 500 triệu USD, bằng 0.38% kim ngạch xuất khẩu, thấp hơn mục tiêu của Quốc hội giao (là 8%), có nghĩa là cán cân thương mại năm 2013 về cơ bản là cân bằng.

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

► Tin doanh nghiệp

MSN - Niêm yết bổ sung 29,77 triệu cổ phiếu

CTCP Tập đoàn Ma San (HOSE: MSN) sẽ niêm yết bổ sung 29,770,465 cổ phiếu. Đây là số cổ phiếu phát hành riêng lẻ cho VRICL để cân trừ nợ. Sau khi niêm yết từ ngày 19/12, số cổ phiếu này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm. Ngày chính thức giao dịch của số cổ phiếu này là 5/11/2014. Được biết, trong một tháng qua, giá cổ phiếu MSN đóng cửa dao động trong biên độ 80,000 – 87,500 đồng/cp, khối lượng giao dịch bình quân là 340,365 đơn vị, trị giá giao dịch bình quân là 28.6 tỷ đồng/phiên.

TMC - 11 tháng, lãi gần 18 tỷ đồng

CTCP Thương mại xuất nhập khẩu Thủ Đức (HNX: TMC) vừa công bố kết quả kinh doanh tháng 11 và lũy kế 11 tháng năm 2013. Theo đó, tháng 11, TMC đạt 190.04 tỷ đồng doanh thu thuần bán hàng và dịch vụ, lợi nhuận trước thuế 1.24 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 940 triệu đồng. Như vậy, lũy kế 11 tháng đầu năm, TMC đạt 2,051.67 tỷ đồng doanh thu, hoàn thành 93.23% kế hoạch năm và lợi nhuận trước thuế 17.91 tỷ đồng, hoàn thành 89.55% kế hoạch năm.

DHM - Dự án khai thác quặng Bắc Việt sẽ hoạt động từ tháng 3/2014

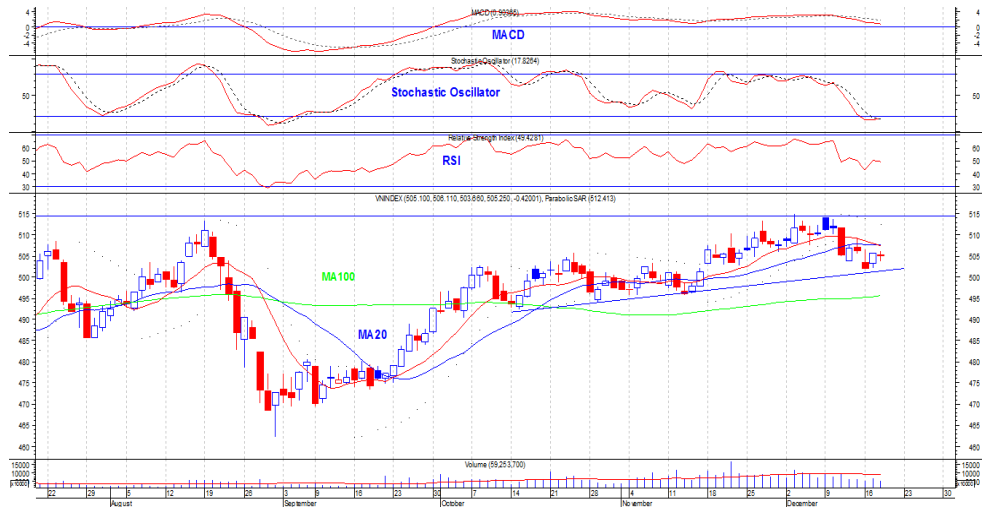
CTCP Thương mại và khai thác khoáng sản Dương Hiếu (HOSE: DHM) thông báo triển khai thực hiện dự án Bắc Việt. DHM cho biết đã chuẩn bị xong thiết bị máy móc và hiện đang gấp rút hoàn thiện các hạng mục xây dựng cơ bản, hạ tầng cơ sở của Dự án Bắc Việt để đưa vào khai thác đúng tiến độ. Theo kế hoạch, trạm biến thế sẽ được lắp đặt xong trong tháng 1/2014 và dây chuyền chế biến, tuyển quặng được lắp đặt trong tháng 2/2014. Việc chế biến, tuyển quặng sẽ được bắt đầu vào đầu tháng 3/2014 và đến cuối tháng này sẽ cho ra mẻ quặng tinh đầu tiên khoảng 5,000 tấn, trong đó hàm lượng Fe đạt 62-64%. Bắt đầu từ quý II/2014, phần đầu đạt sản lượng từ 5,000-7,000 tấn quặng tinh/tháng.

HOSE 18/12/2013 VNINDEX 505.25 -0.42 -0.08% 62,331,098 CP 915.56 bil VND

Giao dịch thận trọng, lực cầu có dấu hiệu đuối dần.

VN-Index giảm 0.42 điểm (-0.08%), đóng cửa tại mức 505.25 điểm. VN-Index hình thành cây nến đỏ, thân nến ngắn, cây nến Doji xuất hiện cho thấy sự thận trọng và giằng co tương đối mạnh của VN-Index

- MA10 cắt xuống MA20, cho thấy tín hiệu ngắn hạn của thị trường xấu đi.
- Tín hiệu MACD Histogram tiếp tục đi xuống và tăng khả năng cắt xuống đường Zero - base, vì vậy xu hướng ngắn hạn đang khá rủi ro.
- Stochastic Oscillator đang ở vùng quá bán, và cho tín hiệu mua trở lại.
- ADX tiếp tục giảm xuống.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	0.7 (6.8%)	5,544,290
HAR	0.5 (6.1%)	4,194,560
VHG	0.5 (6.7%)	3,952,360
MCG	-0.4 (-6.6%)	2,450,130
ITA	-0.1 (-1.5%)	2,080,580

HOSE Top 5 theo % tăng

CMT	0.4 (6.9%)	9,000
FLC	0.7 (6.8%)	5,544,290
DTA	0.2 (6.7%)	1,180
VHG	0.5 (6.7%)	3,952,360
VNL	1 (6.5%)	1,690

HOSE Top 5 theo % giảm

PXM	-0.1 (-7.7%)	133,810
CIG	-0.2 (-6.9%)	1,080
SCD	-1.7 (-6.8%)	10
SC5	-1.6 (-6.7%)	7,270
MCG	-0.4 (-6.6%)	2,450,130

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

PVD	12,3 tỷ	199,890
MSN	8,5 tỷ	99,300
GAS	4,2 tỷ	65,870
PVT	3,8 tỷ	300,000
VSH	3,0 tỷ	196,180

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

VCB	-16,9 tỷ	628,760
CII	-1,9 tỷ	99,400
TDW	-1,8 tỷ	100,000
VIC	-1,8 tỷ	25,490
BVH	-1,3 tỷ	32,810

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	193,340	16.77

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Giao dịch khá thận trọng. Lực cầu ngại nâng giá mua, mặc dù PPC, REE, TCM tạo hiệu ứng khá tốt. Một vài mã đầu cơ vẫn giữ được nhịp tăng trần như FLC, HAR...
- ▶ Thanh khoản duy trì ở mức thấp, việc thanh khoản liên tục duy trì ở dưới ngưỡng bình quân 20p liên tục mấy phiên vừa rồi cho thấy trạng thái thận trọng khá cao.
- ▶ VN-Index vẫn tiếp tục đan xen tăng giảm trong ngưỡng 504 - 513, nhưng dòng tiền sẽ liên tục xoay chuyển, nếu giảm điểm thì ngưỡng 500 - 502 sẽ hỗ trợ mạnh cho TT.
- ▶ Khối ngoại mua ròng nhẹ trở lại. Nhìn chung thì nhịp mua ròng của khối ngoại vẫn đang được duy trì khá tốt, tạo hiệu ứng khá tích cực cho thị trường.
- ▶ NĐT sau khi gia tăng tỷ trọng CP, giữ ở mức hợp lý, tránh mua đuổi trở lại. Trong trường hợp xấu, sẵn sàng giảm trạng thái nếu vùng hỗ trợ 500 - 502 bị phá vỡ.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	EPS (000')	P/E (lần)	P/B (lần)	D/E
GAS	1,895.0	64.0	121,280.00	6,696	9.6	3.7	0.40
VNM	833.5	138.0	115,018.45	8,053	17.3	6.9	0.22
VIC	908.7	71.0	64,519.67	6,710	10.4	3.9	2.74
MSN	734.9	85.5	62,834.92	556	153.9	4.3	1.77
VCB	2,317.4	26.9	62,338.52	1,757	15.3	1.5	9.59
CTG	3,723.4	16.7	62,180.86	2,287	7.4	1.3	9.54
BVH	680.5	38.9	26,470.34	1,618	24.1	2.2	3.18
STB	1,142.5	17.0	19,422.70	703	24.2	1.2	8.60
PVD	275.3	62.0	17,066.00	6,607	9.3	1.7	1.13
HPG	419.1	38.9	16,301.14	3,913	9.9	1.8	1.41

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	232.6	12.6	2,930.76	18.7	1.1	NA	T.ĐỒI
PPC	318.2	24.9	7,922.05	4.0	1.5	NA	T.ĐỒI
PHR	78.5	31.0	2,433.19	5.8	1.1	31.0	GIỮ
BMP	45.5	70.5	3,206.23	8.4	2.2	NA	T.ĐỒI
VSC	28.6	53.5	1,532.56	6.8	1.9	NA	T.ĐỒI
DPM	379.9	41.5	15,767.27	6.3	1.6	NA	T.ĐỒI

HNX 18/12/2013 HNX-Index 66.95 0.08 0.12% 32,823,072 CP 291.36 bil. VND

HNX-Index tăng điểm nhưng lực cầu đang yếu dần đi

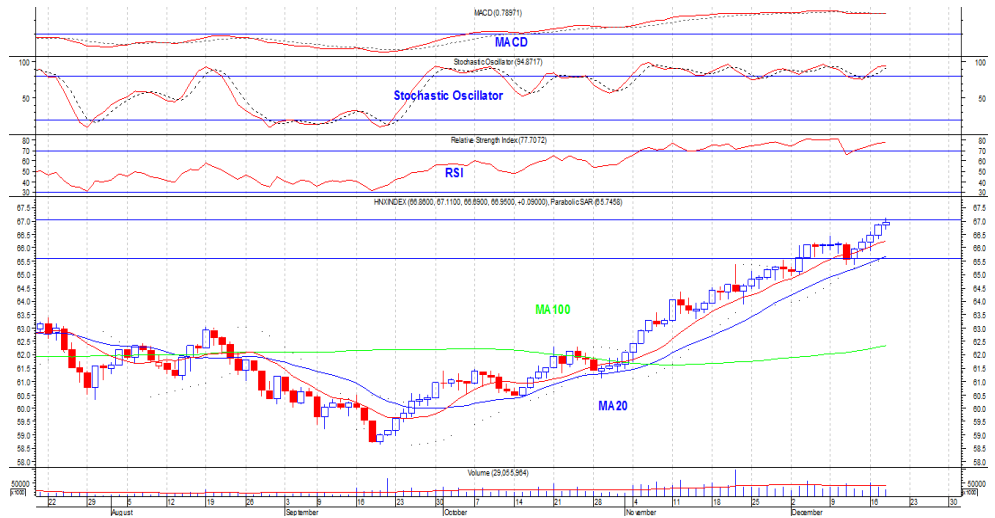
Chỉ số HNX-Index tăng 0.08 điểm (+0.12%), đóng cửa tại mốc 66.95 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh, cây nến tăng điểm thứ 5 liên tục, tiến sát tới vùng đỉnh 67 điểm đã xác lập vào hồi tháng 2/2013.

- 2 đường MA10 và MA20 vẫn đang tăng nhẹ, cho thấy xu hướng tăng điểm ngắn hạn của HNX-Index vẫn đang được giữ.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator tiếp tục duy trì ở ngưỡng quá mua.

- Tín hiệu MACD Histogram cho tín hiệu mua trở lại

- RSI (14) duy trì ở mức 77.



HNX Top 5 theo KLGD

PVX	-0.1 (-4.0%)	2,766,530
PVS	0.7 (3.6%)	2,240,540
VCG	-0.1 (-1.0%)	1,731,140
DCS	0.1 (2.6%)	1,550,150
KLS	0 (0.0%)	1,542,210

HNX Top 5 theo % tăng

SHN	0.2 (10.0%)	168,710
SJE	1.5 (10.0%)	20,000
NST	0.7 (9.9%)	7,310
CPC	1.3 (8.9%)	4,300
HHL	0.1 (8.3%)	57,330

HNX Top 5 theo % giảm

KST	-0.5 (-10.0%)	100
CCM	-1.1 (-9.9%)	100
AMV	-0.7 (-9.9%)	3,000
PIV	-0.3 (-9.7%)	200
SFN	-1.3 (-9.6%)	100

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

TIG	1,9 tỷ	300,000
PVS	1,6 tỷ	81,400
SDT	0,8 tỷ	38,600
PGS	0,4 tỷ	15,000
THB	0,2 tỷ	12,800

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

SHB	-0,5 tỷ	79,800
PVG	-0,2 tỷ	16,100
PVX	-0,2 tỷ	84,700
HLD	-0,1 tỷ	4,000
VND	0,0 tỷ	3,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	330,026	4.54

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Các mã nhóm ngành dầu khí trên sàn Hà Nội như PVS, PVG, PGS... tiếp tục thể hiện sự tích cực lan tỏa lên, giúp sàn HNX-Index duy trì đà xanh nhẹ lúc đóng cửa.
- ▶ Thanh khoản sụt giảm mạnh, cảm giác lực cầu trên sàn Hà Nội đang yếu dần đi khi chỉ số HNX-Index đang giao dịch gần với mức đỉnh cũ 67 điểm.
- ▶ Sàn Hà Nội đang giữ nhịp tăng điểm khá tốt và hướng tới mốc đỉnh cũ 67 điểm. Tuy nhiên áp lực điều chỉnh ở sàn Hà Nội đang lớn dần lên.
- ▶ Khối ngoại mua ròng khá tốt ở sàn này, tập trung nhiều ở PVS và PGS, điều này giúp củng cố khá tốt cho đà tăng của sàn Hà Nội.
- ▶ NĐT sau khi gia tăng tỷ trọng CP, giữ ở mức hợp lý, tránh mua đuổi trở lại. Có thể xem xét chốt lãi các mã sàn này khi áp lực điều chỉnh sàn Hà Nội đang lớn dần.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	EPS (000')	P/E (lần)	P/B (lần)	D/E
ACB	921.5	15.6	14,375.64	1,027	15.2	1.1	11.53
PVS	446.7	20.0	8,934.01	2,872	6.7	1.1	2.15
SQC	110.0	78.2	8,602.00	198	395.7	6.4	0.24
SHB	886.1	6.9	6,113.98	1,884	3.7	0.6	10.63
OCH	200.0	26.5	5,300.00	687	38.3	2.5	0.95
VCG	441.7	10.3	4,549.62	403	25.8	0.9	3.58
PVI	226.3	17.6	3,982.08	1,239	13.9	0.6	0.81
LAS	77.8	37.0	2,879.78	5,181	7.1	2.2	1.11
NTP	43.3	58.5	2,535.27	7,195	8.3	2.1	0.44
VNR	100.8	22.1	2,228.29	3,470	6.4	0.9	0.91

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	29.0	1,102.00	5.3	1.2	NA	T.ĐỒI
AAA	19.8	17.8	352.44	5.2	0.7	NA	T.ĐỒI
VND	96.9	10.3	998.45	8.0	0.8	NA	T.ĐỒI
NTP	43.3	58.5	2,535.27	8.3	2.1	NA	T.ĐỒI
LHC	2.0	54.5	109.00	2.3	1.0	NA	T.ĐỒI
DXP	7.9	45.5	358.31	5.7	1.6	NA	T.ĐỒI

Nguyet A. Vu

nguyetva@vietinbanksc.com.vn

Mã CK TNC
Tên công ty Cao su Thống Nhất
Sở giao dịch HOSE
Ngành Nhựa, cao su & sợi
SLCPLH 19.25 triệu CP
GTVH (tỷ) 273 tỷ VND

Giá hiện tại **14.2**
 Giá mục tiêu **13.0**

GIỮ



Lũy kế 9T2013, DT TNC giảm 41,5% (y-o-y), đạt 96 tỷ đồng. Biên LN góp cũng giảm mạnh từ 31,7% xuống còn 13,3%, kéo theo LNST giảm 50,2% (yoy) chỉ đạt 31,5 tỷ đồng. Nguyên nhân, theo BCKQKD của Công ty, là do giá cao su và lượng tiêu thụ giảm mạnh.

TNC đang nắm lượng tiền và tương đương tiền khá lớn, tài sản NH có xu hướng tăng dần qua các năm. Trong khi đó nợ NH lại ở mức rất thấp, cho thấy khả năng thanh khoản NH của TNC rất tốt.

TNC hiện có hệ số nợ thấp nhất trong ngành (0.13x). Hệ số P/B (0.9x) tương đối hợp lý so với trung bình ngành. Tuy nhiên chỉ số EPS hiện vẫn đang ở mức thấp 2.011/CP, một trong những nguyên nhân khiến chỉ số P/E (7.1x) đang ở mức cao hơn so với mặt bằng chung của ngành (6.3x)

Theo phương pháp định giá so sánh nhiều chỉ số, mức giá hợp lý của TNC là 13.000 đồng/CP, thấp hơn 9% so với mức giá hiện tại, khuyến nghị "NẮM GIỮ" đối với CP TNC.

► TNC: Điều chỉnh giảm kế hoạch DT xuống còn 170 tỷ đồng, tăng LNTT lên 40 tỷ đồng

TNC là một trong những đơn vị sản xuất kinh doanh có hiệu quả trung bình trong ngành cao su Việt Nam. Quy mô, sản lượng của Công ty tương đối nhỏ so với các đơn vị trong ngành. Năm 2012, tổng diện tích cao su kinh doanh là 1.298,38 ha, với năng suất vườn cây ở mức thấp đạt 1,1 tấn/ha, thấp hơn so với trung bình ngành (1,7 tấn/ha) và của thế giới (1,45 tấn/ha). TNC ngoài ra còn tham gia gia công điều.

Trong Q3/2013, TNC công bố DT đạt 22,5 tỷ đồng và LNST đạt 6,2 tỷ đồng, giảm lần lượt là 50% và 26% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế 9 tháng, cơ cấu LNTT thay đổi đáng kể so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó mảng kinh doanh chính (bao gồm kinh doanh mủ cao su, bán nhân và gia công điều) chỉ chiếm 20,8%, giảm 39,2% y-o-y. Hoạt động tài chính và hoạt động khác lần lượt chiếm 36,2% và 40%, tương ứng tăng 19,1% và 20,1% y-o-y.

Tháng 9 vừa qua, HĐQT của TNC đã thống nhất thông qua phương án điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh 2013 lần thứ 2. Trong đó, DT giảm từ 186 tỷ đồng lần thứ 1 xuống còn 170 tỷ đồng, LNTT là 40 tỷ đồng, thay cho mức đề nghị lần 1 là 33,5 tỷ đồng. Giá bán bình quân đạt mục tiêu ổn định ở mức giá là 56 triệu đồng/tấn.

Diện tích đất trồng cây cao su tại chỗ của Công ty hiện nay chỉ gói gọn trong 2 nông trường với tỷ lệ trồng cây chiếm hơn 80%. Vì vậy, triển vọng tăng doanh thu trong giai đoạn 2-3 năm tới là không cao. Tuy nhiên về dài hạn, với chiến lược trồng mới giống cây cho năng suất cao và mở rộng diện tích vườn cây, đặc biệt khi dự án trồng cây cao su trên 7.600 ha tại Campuchia hoàn thành hứa hẹn triển vọng tăng trưởng doanh thu đáng kể cho TNC.

Chỉ tiêu tài chính chủ yếu

	12Q2	12Q3	12Q4	13Q1	13Q2	13Q3
Doanh thu	58	45	27	22	52	23
Lợi nhuận gộp	22	6	3	3	6	3
Lợi nhuận kinh doanh	18	3	0	2	5	1
Lợi nhuận trước thuế	28	8	8	9	20	7
Lãi ròng	24	8	7	8	17	6
Tiền và tương đương tiền	159	178	198	158	121	119
Tài sản khác	191	181	182	211	230	236
Tổng tài sản	350	359	380	368	351	355
Công nợ	35	36	50	31	44	42
Vốn chủ sở hữu	315	323	330	337	307	313

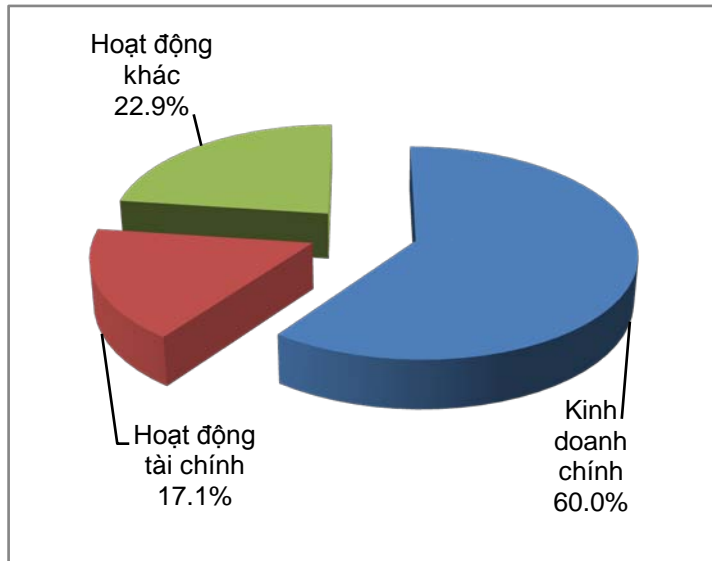
Mã CK	SLCPLH	Giá	Vốn hóa (tỷ)	EPS	P/E	P/B	D/E
Một số công ty cùng lĩnh vực hoạt động							
DPR	42.1	46.9	1,975.65	9,591	4.9	0.9	0.25
HRC	17.3	48.5	837.16	3,221	15.1	1.7	0.34
PHR	78.5	31.3	2,456.74	5,241	6.0	1.2	0.51
TNC	19.3	14.3	275.28	2,011	7.1	0.9	0.13
TRC	29.1	42.9	1,249.46	9,238	4.6	0.9	0.32
-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-

Chỉ số bình quân ngành

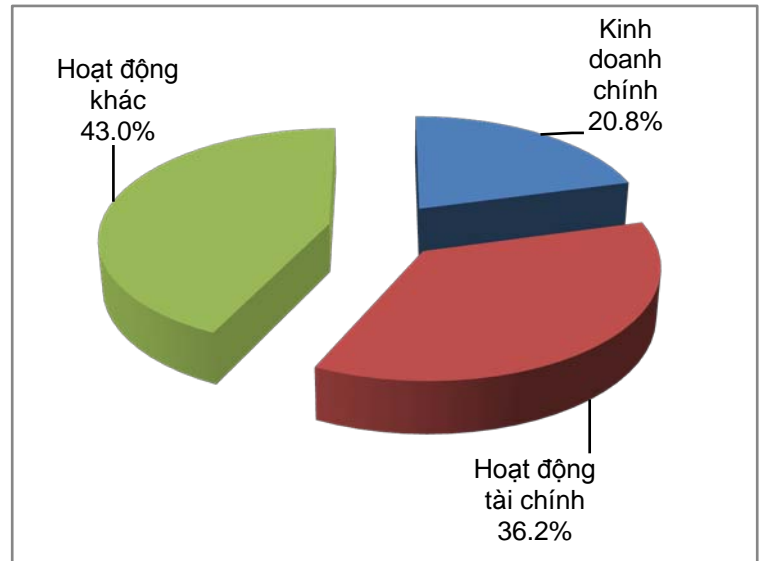
Nhựa, cao su & sợi	7,942.00	4,300	6.3	1.0	0.50
--------------------	----------	-------	-----	-----	------

► Cơ cấu lợi nhuận trước thuế

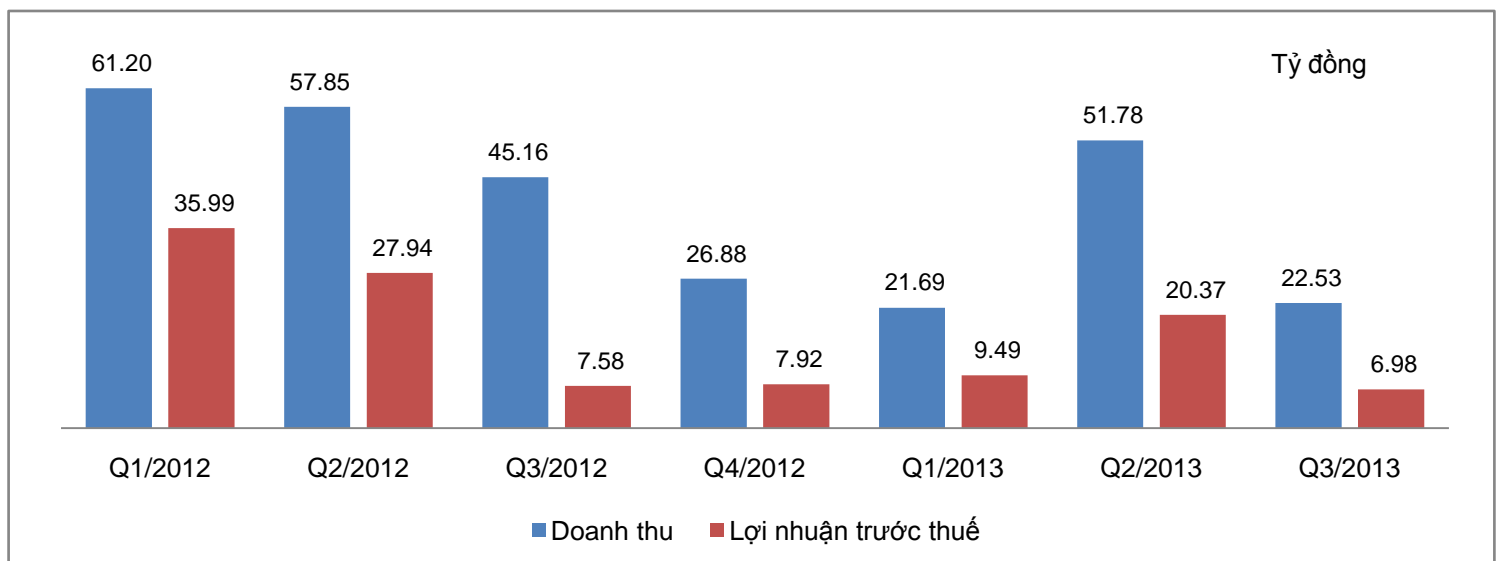
9 tháng 2012



9 tháng 2013



► Tình hình kết quả hoạt động kinh doanh



KQKD	2009	2010	2011	2012
Doanh thu thuần	172	181	145	191
Giá vốn hàng bán	(133)	(119)	(74)	(136)
Lãi gộp	39	62	70	55
Chi phí bán hàng	(1)	(1)	(0)	(0)
Chi phí quản lý	(8)	(9)	(13)	(12)
Lợi nhuận hoạt động	30	52	58	43
Chi phí khác (ròng)	1	2	9	17
- Thu nhập khác	6	10	17	30
- Chi phí khác	(4)	(7)	(8)	(13)
EBIT	32	55	67	60
Chi phí tài chính (ròng)	3	6	16	20
- Thu nhập tài chính	3	7	18	20
- Chi phí tài chính	(1)	(1)	(3)	(0)
+ Chi phí lãi vay	(1)	(0)	-	-
LNR trước thuế	34	60	82	79
Thuế TNDN	(5)	(9)	(10)	(9)
LNR sau thuế	30	52	72	70
Lợi ích thiểu số	-	-	-	-
LNR sau lợi ích thiểu số	30	52	72	70

BÁO CÁO DÒNG TIỀN	2009	2010	2011	2012
LNR sau lợi ích thiểu số	3	5	7	7
Điều chỉnh				
+ Khấu hao	49	7	4	3
+ Dự phòng	1	3	4	2
+ Lợi ích thiểu số	-	-	-	-
+ Đánh giá lại tài sản	-	-	-	-
+ Chi phí tài chính ròng	(3)	(7)	(18)	(22)
Tiền từ hoạt động k.doanh	55	63	60	104
- Tăng đầu tư máy móc	(154)	(4)	(7)	2
- Tăng đầu tư TCSD	-	-	-	-
- Tăng đầu tư TC ng.hạn	(60)	20	40	-
- Tăng đầu tư TC d.hạn	(28)	1	-	-
- Tăng khác	(5)	(10)	12	0
Tiền từ hoạt động đầu tư	(246)	7	46	2
Tiền tự do	(191)	71	105	107
- Cổ tức đã trả	21	(23)	(36)	(49)
Tiền sau trả cổ tức	(170)	48	69	58
+ Tăng góp vốn cổ phần	193	-	-	-
+ Tăng góp vốn khác	-	-	-	-
+ Tăng khác	0	(0)	-	-
- Tăng cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
+ Tăng nợ	1	-	(1)	-
Tiền từ hoạt động t.chính	215	(23)	(37)	(49)
Tiền trước ch.lịch t.giá	24	47	68	58
+ Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-
Dòng tiền mặt ròng	24	47	68	58
Tiền mặt đầu kỳ	-	24	72	140
Tiền mặt cuối kỳ	24	72	140	198

BẢNG CÂN ĐỐI	2009	2010	2011	2012
Tài sản lưu động	131	165	210	252
Tiền và tương đương	24	72	140	198
Đầu tư t.chính ng.hạn	60	40	-	-
Các khoản phải thu	29	30	11	10
Tồn kho	16	20	50	34
Tài sản lưu động khác	3	4	10	10
Tài sản cố định / dài hạn	137	143	133	128
Phải thu dài hạn	-	-	-	-
Đầu tư t.chính dài hạn	28	27	27	27
Máy móc, thiết bị (ròng)	84	75	77	64
Máy móc, thiế bị (d.dang)	21	26	27	36
Đầu tư BĐS dài hạn	-	-	-	-
Tài sản dài hạn khác	5	15	2	2
TỔNG TÀI SẢN	269	308	344	380
Công nợ	25	36	35	50
Nợ ngắn hạn	24	35	35	50
Nợ dài hạn	1	1	1	-
Vốn chủ sở hữu	244	273	308	330
Vốn góp CSH	193	193	193	193
Các quỹ	21	27	41	59
Lợi nhuận chưa p.phối	30	53	75	78
Khác	-	-	-	-
Lợi tích cổ đông thiểu số	-	-	-	-
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	269	308	344	380

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH	2009	2010	2011	2012
Tăng trưởng				
Doanh thu thuần		5.6%	-20.1%	32.1%
Lợi nhuận gộp		59.4%	13.6%	-21.9%
Lợi nhuận ròng		75.4%	38.9%	-2.4%
Tổng tài sản		14.8%	11.4%	10.6%
Vốn chủ sở hữu		11.8%	13.2%	6.9%
Khả năng thanh toán				
Nợ ngắn hạn	5.44	4.71	6.09	5.03
Thanh toán nhanh	4.79	4.14	4.65	4.35
Tiền mặt	3.49	3.18	4.06	3.95
Hoạt động				
Vòng quay tiền mặt	7.09	2.53	1.03	0.97
Vòng quay khoản p.thu	8.08	8.43	12.00	13.28
Vòng quay tồn kho	8.53	5.89	1.49	4.01
Đòn bẩy tài chính				
Nợ/Tổng tài sản	0.09	0.12	0.10	0.13
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.10	0.13	0.11	0.15
Hệ số trả chi phí lãi vay	66.48	42.09	31.67	462.44
Khả năng sinh lợi				
Tỷ suất lãi gộp	22.7%	34.3%	48.7%	28.8%
Tỷ suất lãi hoạt động	17.7%	28.8%	39.9%	22.4%
Tỷ suất lãi ròng	17.2%	28.6%	49.8%	36.8%
Lợi nhuận/Tổng tài sản	11.0%	16.8%	21.0%	18.5%
Lợi nhuận/Vốn CSH	12.1%	19.0%	23.4%	21.3%
Tiền HĐKD/Tổng TS	20.5%	20.5%	17.4%	27.4%
Chỉ số khác				
Lợi nhuận/Cổ phiếu	1.54	2.69	3.74	3.65
Giá trị sổ sách/CP	12.66	14.16	16.03	17.13

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	EPS	P/E	P/B	D/E
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,892	4,300	6.3	1.0	0.51
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	21,052	5,436	6.5	1.6	0.39
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	1,054	302	18.6	0.5	2.00
Sản xuất giấy	600	397	17.6	0.7	0.99
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	27,341		13.8	1.5	1.84
Khai khoáng					
Khai thác than	1,419	312	30.0	0.8	5.26
Khai khoáng	12,024	748	39.5	4.9	0.33
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	14,944	1,002	11.7	1.3	1.69
Xây dựng	23,608	395	22.9	0.8	3.20
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,095	2,624	6.9	1.1	1.02
Công nghiệp phức hợp	318	1,656	4.6	0.7	0.35
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,728	1,280	11.1	1.2	1.06
Thiết bị điện	1,464	438	12.6	0.6	1.12
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	30	47	103.1	0.4	0.43
Máy công nghiệp	8,199	2,915	8.3	1.5	0.66
Vận tải					
Vận tải thủy	6,696	2,793	2.9	0.8	1.75
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,502	3,097	10.7	1.4	0.43
Dịch vụ vận tải	4,659	1,641	10.5	1.3	0.82
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	1,776	1,803	8.9	1.1	2.84
Đào tạo & Việc làm	227	369	22.7	0.6	1.89
Nhà cung cấp thiết bị	164	885	8.6	0.8	2.40
Chất thải & Môi trường	115	6,456	1.9	0.7	1.30
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	1,852	1,077	13.8	4.8	38.94
Lốp xe	6,002	4,405	7.5	2.3	1.28
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,208	2,750	6.1	1.0	0.89
Vang & Rượu mạnh	204	1,484	15.3	1.6	1.01
Đồ uống & giải khát	224	3,598	5.9	1.2	0.41
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	12,390	1,641	10.7	1.2	1.97
Thực phẩm	199,308	3,859	21.9	5.5	0.76
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	38	692	4.6	0.5	0.31
Thiết bị gia dụng	2,048	2,036	8.3	1.0	1.19
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	165	4,808	3.7	1.4	0.45
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	2,461	2,414	8.1	1.2	1.62
Giày dép	6	1,938	1.9	0.2	0.59
Hàng cá nhân	4,734	3,083	9.8	1.7	0.91
Thuốc lá					
Thuốc lá	653	-	25.5	0.9	2.65

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	EPS	P/E	P/B	D/E
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,051	2,542	7.3	1.1	0.61
Dụng cụ y tế	89	5,281	2.5	1.2	1.30
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	166	870	16.7	1.0	0.43
Dược phẩm	13,852	5,962	10.9	3.1	0.80
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	424	453	74.3	1.3	2.65
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	584	471	28.9	0.9	1.08
Phân phối hàng chuyên dụng	2,702	3,177	8.4	1.6	3.89
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2,492	3.3	0.4	0.78
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	993	1,589	7.0	0.8	0.64
Du lịch và giải trí					
Hàng không	99	4,511	7.3	2.2	1.04
Khách sạn	5,730	583	40.9	2.4	0.90
Dịch vụ giải trí	1,958	605	21.1	1.6	0.81
Vận tải hành khách & Du lịch	1,097	914	19.3	2.0	0.49
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	43	628	10.1	0.3	0.76
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	415	63	77.8	0.5	1.29
Internet	333	72	62.7	0.8	3.45
Phần mềm	13,241	5,015	8.2	1.9	1.11
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	291	555	12.6	0.5	1.43
Thiết bị văn phòng	206	3,383	4.9	0.8	0.21
Thiết bị viễn thông	1,879	711	13.7	0.7	0.32
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	21,054	2,218	6.5	1.2	1.18
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	127,726	6,178	9.5	3.6	0.45
Nước	953	2,445	5.1	1.0	0.62
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,087	959	9.5	0.8	1.92
Bảo hiểm phi nhân thọ	5,914	1,272	11.5	0.7	0.87
Tái bảo hiểm	2,228	3,470	6.4	0.9	0.91
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	26,538	1,618	24.1	2.2	3.18
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,390	196	57.5	1.1	2.61
Môi giới chứng khoán	17,159	696	14.4	1.0	0.58
Ngân hàng					
Ngân hàng	197,103	1,666	10.2	1.2	9.66
Bất động sản					
Bất động sản	126,857	1,345	16.7	2.7	1.94
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	4	720	4.6	0.4	1.03
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	26,457	3,970	8.4	1.5	1.46

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.